



KHAI THÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN THANH TÙNG*

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của di sản văn hóa và tài sản sở hữu trí tuệ trong thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam, thông qua các mô hình thực tiễn như Tràng An, Hội An, Sa Pa, Chèo Show và Madame Show - Những đường chim bay. Trên cơ sở đối sánh kinh nghiệm từ một số quốc gia châu Á, bài viết đúc kết những bài học thực tiễn trong công tác quản lý di sản, bảo hộ tài sản trí tuệ và phát triển du lịch có trách nhiệm. Từ đó, xác lập định hướng chiến lược kết hợp giữa bảo tồn giá trị văn hóa, phát huy tài sản trí tuệ và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới hội nhập quốc tế của ngành Du lịch Việt Nam.

Từ khóa: di sản văn hóa, du lịch bền vững, sở hữu trí tuệ, Việt Nam.

Abstract: This article examines the role of cultural heritage and intellectual property assets in promoting sustainable tourism development in Vietnam, through practical models such as Tràng An, Hội An, Sa Pa, the Chèo Show, and Madame Show - Những đường chim bay. Drawing on comparative experiences from selected Asian countries, the study synthesizes practical lessons in heritage management, intellectual property protection, and responsible tourism development. Based on these insights, it proposes strategic orientations that integrate cultural value preservation, intellectual property utilization, and technological application to enhance competitiveness and foster international integration of Vietnam's tourism sector.

Keywords: cultural heritage, sustainable tourism, intellectual property, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Di sản văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và phi vật chất do con người sáng tạo, tích lũy và lưu truyền qua các thế hệ, phản ánh bản sắc dân tộc và chiều sâu lịch sử của cộng đồng. Di sản hiện diện dưới nhiều hình thức như công trình kiến trúc, di tích, hiện vật, lễ hội, tập quán xã hội, nghệ thuật trình diễn, nghề thủ công truyền thống và tri thức dân gian. Trong bối cảnh hiện đại, di sản vừa là ký ức lịch sử, vừa là nguồn lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, góp phần định hình bản lĩnh văn hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Du lịch bền vững hướng tới sự cân bằng giữa bảo tồn môi trường, phát triển kinh tế và duy trì giá trị văn hóa - xã hội, được xem là xu hướng phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Khác với mô hình du lịch đại trà, hình thức này đề cao vai trò của cộng đồng địa phương, đảm bảo phân phối lợi ích công bằng và gìn giữ bản sắc văn hóa. Khi gắn kết với di sản, du lịch bền vững vừa tạo điều kiện phát triển sinh kế, vừa thúc đẩy quá trình bảo tồn chủ động, gắn liền với tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng.

Với chức năng bảo hộ các sản phẩm sáng tạo như tác phẩm nghệ thuật, thiết kế truyền thống, tri thức dân gian và biểu tượng văn hóa, sở hữu trí tuệ là công cụ pháp lý quan trọng trong việc bảo vệ và khai thác giá trị di sản trong hoạt động du lịch. Việc ứng dụng sở hữu trí tuệ một cách có chiến lược góp phần nâng cao tính độc đáo, chiều sâu nội dung và năng lực cạnh tranh của sản phẩm du lịch, đồng thời khẳng định vị thế văn hóa Việt Nam trong diễn trình quốc tế hóa vì mục tiêu phát triển bền vững.

2. Hiện trạng khai thác di sản văn hóa và sở hữu trí tuệ gắn với du lịch Việt Nam

Di sản văn hóa

Việt Nam hiện sở hữu hệ thống di sản phong phú với 9 di sản thế giới được UNESCO công nhận, trong đó, mới nhất là Quần thể Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc (năm 2025). Phong Nha - Kẻ Bàng đã được mở rộng thành di sản thiên nhiên liên quốc gia Việt Nam - Lào, đánh dấu bước tiến trong hợp tác bảo tồn xuyên biên giới.

Tính đến năm 2025, Việt Nam có hơn 620 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, trong đó 16 di sản được UNESCO ghi danh. Năm 2024, 8 di sản thế giới đã thu hút hơn 14,8 triệu lượt khách, gồm 6,4 triệu khách quốc tế, đem lại doanh thu khoảng 7.749 tỷ đồng. Những số liệu này cho thấy tiềm năng lớn trong việc chuyên hóa di sản thành sản phẩm du lịch đặc trưng.

Sở hữu trí tuệ

Sở hữu trí tuệ trong hoạt động du lịch đang từng bước được quan tâm như một công cụ bảo vệ và phát triển tài sản văn hóa. Năm 2024, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp hơn 53.000 văn bằng bảo hộ, phản ánh sự gia tăng nhận thức về bảo vệ tài sản trí tuệ trong các ngành kinh tế, bao gồm du lịch.

Năm 2025 ghi nhận thêm các chỉ dẫn địa lý mới như “Đồng Tháp” (sen), “Trà Vinh” (dừa sáp), “Lục Ngạn” (cam), cho thấy tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch gắn với đặc trưng vùng miền. Đồng thời, các sản phẩm du lịch sáng tạo như *Ký ức Hội An* và *Tinh hoa Bắc Bộ* tiếp tục được bảo hộ bản quyền, minh chứng cho xu hướng kết hợp giữa nghệ thuật trình diễn, công nghệ và di sản trong xây dựng sản phẩm du lịch có giá trị cao.

Hạn chế trong khai thác di sản và sở hữu trí tuệ

Bên cạnh những kết quả tích cực, nhiều địa phương vẫn chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của di sản văn hóa trong phát triển du lịch. Việc thiếu quy

hoạch bảo tồn đồng bộ, lạm dụng không gian di sản cho mục đích thương mại hoặc phá vỡ cảnh quan kiến trúc truyền thống trong quá trình đô thị hóa đã gây tổn hại nghiêm trọng đến tính nguyên bản của di sản. Một số công trình cổ kính bị thay thế bằng kiến trúc hiện đại không phù hợp, làm suy giảm giá trị văn hóa và giảm sức hấp dẫn đối với du khách.

Ngoài ra, việc đăng ký và khai thác tài sản sở hữu trí tuệ tại địa phương còn hạn chế. Nhiều sản phẩm đặc trưng chưa được bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý hoặc bản quyền, dẫn đến tình trạng sao chép tùy tiện, thiếu tính cạnh tranh và khó xây dựng thương hiệu du lịch vùng miền. Sự thiếu liên kết giữa cơ quan quản lý văn hóa, du lịch và sở hữu trí tuệ cũng khiến quá trình chuyển hóa giá trị di sản thành sản phẩm du lịch gặp nhiều trở ngại.

ĐỐI SÁNH KHU VỰC CHÂU Á

So sánh với các quốc gia trong khu vực cho thấy, Việt Nam có tiềm năng lớn, nhưng vẫn cần cải thiện về thực thi pháp lý và truyền thông. Một số mô hình tiêu biểu:

Quốc gia	Di sản nổi bật	Quản lý sở hữu trí tuệ	Bài học kinh nghiệm
Nhật Bản	Kyoto, đền Meiji	Chỉ dẫn địa lý âm thực, bảo hộ lễ hội	Gắn truyền thống với công nghệ hiện đại
Trung Quốc	Vạn Lý Trường Thành, Potala	Số hóa di sản, kiểm soát bản quyền	Quy hoạch tích hợp và bảo vệ môi trường
Singapore	Peranakan, Chinatown, Little India	Bảo hộ sáng tạo nghệ thuật, bản quyền nội dung số	Tích hợp bảo tồn vào quy hoạch đô thị và giáo dục cộng đồng
Thái Lan	Chiang Mai, Ayutthaya	Thương hiệu du lịch địa phương	Phát triển du lịch trải nghiệm văn hóa
Indonesia	Borobudur, Bali	Bảo hộ sản phẩm thủ công, lễ hội địa phương	Gắn kết du lịch với cộng đồng bản địa
Việt Nam	Huế, Hội An, Tràng An, Yên Tử	Chỉ dẫn địa lý, bản quyền nghệ thuật	Tăng cường thực thi pháp lý và truyền thông

Đối sánh cho thấy, các quốc gia trong khu vực đã thành công trong việc tích hợp bảo tồn di sản với phát triển du lịch thông qua công nghệ, giáo dục cộng đồng và cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ hiệu quả.

3. Xu hướng khai thác di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững trong thực tiễn tại Việt Nam

Du lịch bền vững tại Việt Nam đang từng bước chuyển dịch từ lý thuyết sang thực tiễn, thể hiện qua các mô hình cộng đồng tại Tràng An (Ninh Bình), Hội An (Đà Nẵng), Sa Pa (Lào Cai) và một số địa phương khác. Những mô hình này tiêu biểu cho sự kết hợp giữa bảo tồn di sản, phát triển sinh kế địa phương và ứng dụng công nghệ trong quản lý điểm đến.

Tại Tràng An, hoạt động du lịch gắn với di sản thiên nhiên đã thu hút hơn 6 triệu lượt khách trong năm 2024. Người dân địa phương chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang các dịch vụ như chèo thuyền, hướng dẫn viên và hỗ trợ du lịch. Tuy nhiên, khu vực này đang chịu áp lực mùa vụ, nguy cơ thương mại hóa bản sắc và thiếu hụt nhân lực chuyên môn. Trong quy hoạch dài hạn, Tràng An được định hướng trở thành hạt nhân của đô thị di sản Hoa Lư, với các hình thức du lịch thực cảnh và công nghệ số.

Hội An là mô hình bảo tồn đô thị cổ tiêu biểu với vùng lõi chỉ 30ha, nhưng đón hơn 4,5 triệu lượt khách năm 2024. Việc mở rộng không gian du lịch sang các vùng ven như Trà Quế, Cù Lao Chàm và Thanh Hà đã góp phần phân tán dòng khách. Tuy nhiên, đô thị này vẫn đối mặt với tình trạng quá tải, xói mòn giá trị di sản và biến đổi cấu trúc dân cư. Một số hình thức mới như du lịch đêm và liên kết vùng đang được triển khai nhằm thích ứng với áp lực hiện hữu.

Sa Pa là điểm đến nổi bật với mô hình du lịch cộng đồng gắn với sinh thái và văn hóa dân tộc thiểu số. Năm 2024, khu vực này đón gần 5 triệu lượt khách, với các sản phẩm đặc trưng như ruộng bậc thang, nghề thủ công và lễ hội truyền thống. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa nhanh, ô nhiễm môi trường và thiếu nhân lực chất lượng đang ảnh hưởng đến tính bền vững của điểm đến. Sa Pa đang được định vị như một đô thị du lịch sạch trong khu vực ASEAN, với định hướng phát triển đa dạng loại hình.

Bên cạnh các mô hình cộng đồng, nhiều sản phẩm du lịch văn hóa sáng tạo đang mở ra hướng tiếp cận mới. *Chào Show* tại TP.HCM là chương

trình du lịch đêm kết hợp âm nhạc dân tộc, công nghệ trình diễn và ẩm thực truyền thống. Việc sử dụng nhạc cụ nguyên bản, nghệ sĩ chuyên nghiệp và tổ khúc *Giang sơn cầm tú* đã góp phần nâng cao giá trị văn hóa và tạo dấu ấn riêng cho sản phẩm.

Tại Đà Lạt (Lâm Đồng), chương trình nghệ thuật thực cảnh *Madame Show - Những đường chim bay* được tổ chức tại biệt điện Trần Lệ Xuân, tái hiện lịch sử và ký ức đô thị qua sân khấu, âm nhạc và trình diễn trực tiếp. Mô hình này không chỉ gia tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của du khách mà còn góp phần bảo tồn kiến trúc di sản và thúc đẩy công nghiệp sáng tạo.

Ngoài ra, các mô hình như *Ký ức Hội An*, *Festival Tràng An*, làng nghề du lịch tại Bát Tràng, Đường Lâm, hay du lịch cộng đồng tại Mai Châu (Phú Thọ), Tuyên Quang, Quảng Ngãi đang khai thác hiệu quả văn hóa bản địa. Việc ứng dụng công nghệ AR/VR, bảo tàng số và truyền thông tương tác đang mở rộng khả năng tiếp cận di sản, đặc biệt với thế hệ trẻ và du khách quốc tế.

Từ các mô hình trên có thể nhận thấy, khai thác di sản văn hóa không chỉ dừng lại ở bảo tồn nguyên trạng mà còn được chuyển hóa thành trải nghiệm nghệ thuật, gắn với sáng tạo và kể chuyện. Đây là nền tảng để xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, góp phần nâng cao vị thế quốc gia và giữ gìn bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4. Sở hữu trí tuệ trong du lịch văn hóa bảo vệ bản sắc và gia tăng giá trị sáng tạo

Trong phát triển du lịch văn hóa, sở hữu trí tuệ đóng vai trò chiến lược trong việc bảo vệ bản sắc địa phương và nâng cao giá trị sản phẩm. Thay vì chỉ là công cụ pháp lý, cơ chế này giúp kiểm soát nội dung, chất lượng và thương hiệu văn hóa gắn với điểm đến. Các chương trình như *Ký ức Hội An* và *Tinh hoa Bắc Bộ* là dẫn chứng tiêu biểu cho việc kết hợp giữa nghệ thuật trình diễn và bảo hộ sở hữu trí tuệ, góp phần định hình văn hóa trong nhận thức du khách quốc tế.

Tại Sa Pa, các sản phẩm thủ công truyền thống như thổ cẩm, nghề dệt, nghề đan lát nếu được bảo hộ sẽ vừa bảo vệ kỹ thuật bản địa, vừa tạo nguồn thu ổn định cho cộng đồng. Trong mô hình Tràng An, việc bảo vệ tên gọi, hình ảnh và hoạt động gắn với di sản thiên nhiên cũng cần được chú trọng, nhất là trong bối cảnh truyền thông số có thể làm sai lệch thông tin di sản.

Sở hữu trí tuệ trong hoạt động du lịch đang mở rộng từ sản phẩm hữu hình sang nội dung số hóa như video, thực tế ảo và công nghệ trải nghiệm. Việc nhận diện, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ gắn với du lịch không những nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn đảm bảo quyền lợi cho cộng đồng sáng tạo, góp phần duy trì sự khác biệt văn hóa trong quá trình hội nhập.

Những thách thức trong phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam

Phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam hiện nay đang đối mặt với một số thách thức cơ bản, bao gồm: thiếu hụt nhân lực chuyên môn, chính sách chưa đồng bộ và nhận thức cộng đồng còn hạn chế. Những yếu tố này tạo ra khoảng cách giữa định hướng chiến lược và thực tiễn triển khai, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và vận hành các mô hình du lịch bền vững.

Về nhân lực, nhiều địa phương có tiềm năng du lịch, đặc biệt tại vùng núi, ven biển và khu vực di sản, nhưng vẫn thiếu đội ngũ am hiểu về bảo tồn, quản lý di sản và ứng dụng công nghệ. Tại Sa Pa, số lượng hướng dẫn viên thông thạo ngôn ngữ dân tộc và hiểu biết văn hóa bản địa còn hạn chế. Các mô hình du lịch cộng đồng như Tràng An tuy thu hút lượng khách lớn, nhưng phần lớn lao động chưa được đào tạo bài bản, dẫn đến trải nghiệm thiếu chuyên nghiệp và làm giảm tính xác thực văn hóa.

Về chính sách, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản định hướng như Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030, Chiến lược tăng trưởng xanh và Chương trình số hóa di sản văn hóa, nhưng việc triển khai vẫn thiếu sự phối hợp liên ngành. Một số địa phương chưa có quy hoạch chi tiết, dẫn đến phát triển nóng, khai thác quá mức tài nguyên và thiếu kiểm soát. So với các quốc gia trong khu vực như Thái Lan, nơi du lịch cộng đồng được triển khai nhất quán thông qua cơ chế “One Tambon One Product”, Việt Nam vẫn thiếu khung chính sách tích hợp giữa du lịch, văn hóa, sở hữu trí tuệ và môi trường.

Về nhận thức cộng đồng, tại nhiều điểm đến, người dân chưa nhận thức đầy đủ về giá trị lâu dài của việc bảo tồn di sản, dễ bị chi phối bởi lợi ích ngắn hạn. Tại Hội An, một số hộ dân tự ý chuyển đổi công trình cổ không theo quy chuẩn bảo tồn, ảnh hưởng đến giá trị di tích. Tại Tràng An, sự thiếu hiểu biết về quyền lợi và trách nhiệm trong chuỗi giá trị

du lịch dẫn đến xung đột trong quản lý. Trong khi đó, Indonesia đã triển khai các chương trình đào tạo cộng đồng tại các điểm di sản như Borobudur, giúp người dân hiểu rõ vai trò của mình trong bảo tồn và phát triển du lịch.

5. Giải pháp phát triển du lịch bền vững gắn với di sản văn hóa và sở hữu trí tuệ

Khai thác giá trị di sản văn hóa và tài sản sở hữu trí tuệ là nền tảng quan trọng để phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp theo hướng tích hợp, sáng tạo và có trách nhiệm.

Trước hết, việc hoàn thiện hệ thống pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực du lịch là yêu cầu cấp thiết. Các quy định hiện hành còn phân tán giữa nhiều văn bản, gây khó khăn trong việc xác định, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm du lịch. Xây dựng một khung pháp lý tích hợp sẽ giúp xác định rõ các đối tượng được bảo hộ như sản phẩm thủ công, đặc sản vùng miền, lễ hội, chương trình nghệ thuật và hình ảnh điểm đến. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể về quy trình đăng ký, quản lý và khai thác thương mại các tài sản này ở cấp địa phương và cộng đồng.

Song song với đó là yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch. Các công trình kiến trúc cổ cần được kiểm kê, phục hồi và tích hợp chức năng phục vụ du lịch như không gian trưng bày, biểu diễn và trải nghiệm. Đối với di sản phi vật thể, cần có chiến lược bảo vệ và khai thác các lễ hội truyền thống, nghệ thuật dân gian, nghề thủ công và tri thức bản địa thông qua cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Giáo dục cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố thiết yếu để đảm bảo tính bền vững trong khai thác di sản. Tại nhiều điểm đến, nhận thức về giá trị và quyền lợi gắn với tài sản văn hóa và trí tuệ còn hạn chế. Việc tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng làm du lịch, bảo tồn di sản và xây dựng thương hiệu địa phương là cần thiết. Ngành Giáo dục cần phát triển các chương trình liên ngành kết nối du lịch, di sản và đổi mới sáng tạo nhằm hình thành nguồn nhân lực có tư duy tích hợp và khả năng thích ứng cao.

Bên cạnh đó, mỗi địa phương cần phát triển sản phẩm du lịch mang bản sắc riêng, từ lễ hội, nghệ

thuật trình diễn đến cảnh quan thiên nhiên. Việc bảo hộ quyền tác giả cho chương trình nghệ thuật dựa trên truyền cổ tích, dân ca, nghi lễ truyền thống sẽ góp phần định vị thương hiệu văn hóa. Cộng đồng cần được hỗ trợ phát triển tour du lịch trải nghiệm theo chủ đề như ẩm thực, nghề truyền thống kết hợp với tài nguyên số để quảng bá hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ số đang trở thành yếu tố then chốt trong bảo tồn di sản và nâng cao hiệu quả quản lý điểm đến. Các nền tảng như bảo tàng số, bản đồ di sản trực tuyến, thực tế ảo, thực tế tăng cường và truyền thông tương tác không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận di sản, đặc biệt với thế hệ trẻ và du khách quốc tế mà còn hỗ trợ giám sát sức chịu tải, tối ưu hóa vận hành và nâng cao chất lượng trải nghiệm. Để phát huy hiệu quả, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNESCO, WIPO và các quốc gia có kinh nghiệm trong bảo hộ di sản nhằm tiếp cận có hệ thống các mô hình quản lý tiên tiến và công nghệ hiện đại như số hóa 3D và bản đồ di sản số. Việc kết nối các điểm di sản trong khu vực thành mạng lưới du lịch sáng tạo sẽ góp phần nâng cao vị thế quốc gia trên bản đồ du lịch toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển du lịch có trách nhiệm, sáng tạo và bền vững.

6. Kết luận

Di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ và du lịch bền vững là 3 yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và có chiều sâu của ngành Du lịch. Di sản không chỉ phản ánh bản sắc và lịch sử cộng đồng mà còn là nguồn lực để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng, góp phần giữ gìn giá trị truyền thống trong đời sống hiện đại.

Sở hữu trí tuệ đóng vai trò bảo vệ và nâng cao giá trị của các sáng tạo dựa trên di sản, từ chương trình nghệ thuật, thiết kế thủ công đến lễ hội và tri thức dân gian. Việc đăng ký bản quyền, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý giúp các sản phẩm văn hóa được khai thác hợp pháp, hạn chế sao chép tùy tiện và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Du lịch bền vững hướng tới sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Khi di sản được bảo vệ bởi sở hữu trí tuệ và chuyên hóa thành sản phẩm du lịch có trách nhiệm, cộng đồng địa phương được hưởng lợi, bản sắc được gìn giữ và du khách có cơ hội trải nghiệm sâu sắc.

Đây là nền tảng để ngành Du lịch Việt Nam phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng, phù hợp với xu thế kết nối và sáng tạo trong thời đại mới ■

N.T.T

Tài liệu tham khảo

1. *Luật Du lịch*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
 2. *Luật Di sản văn hóa năm 2024*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2025.
 3. *Luật Sở hữu trí tuệ (hiện hành)* (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024.
 4. *Quyết định số 147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*, chinhphu.vn, 25-6-2025.
 5. *Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*, chinhphu.vn, 26-6-2025.
 6. *Quyết định số 2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030*, chinhphu.vn, 28-6-2025.
 7. UNESCO, *Text of the Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage (Văn bản Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể)*, ich.unesco.org, 29-6-2025.
 8. UNESCO, *Managing Tourism at World Heritage Sites: A Practical Manual for World Heritage Site Managers (Quản lý du lịch tại các Di sản thế giới: Sổ tay thực hành dành cho các nhà quản lý Di sản thế giới)*, whc.unesco.org, 2-7-2025.
 9. UNESCO, *Implementing the Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage (Triển khai Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể)*, ich.unesco.org, 5-7-2025.
 10. WIPO, *Discovering Southeast Asia's Unique Tourism Gems Through IP (Khám phá những giá trị du lịch độc đáo của Đông Nam Á thông qua sở hữu trí tuệ)*, wipo.int, 9-7-2025.
 11. WIPO, *Intellectual Property and Tourism (Sở hữu trí tuệ và du lịch)*, wipo.int, 10-7-2025.
- Ngày Tòa soạn nhận bài: 5-9-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 20-9-2025; Ngày duyệt đăng: 30-9-2025.